TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2019/DS-PT
Ngày 07 - 11 – 2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thanh Dũng

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Lệ Kiều

Bà Cao Thị Túy Giang

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Diễm Lệ – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 88/2019/TLPT-DS ngày 20 tháng 08 năm 2019 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 22/2019/DS-ST ngày 10 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 94/2019/QĐ-PT ngày 30 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đoàn Thị H, sinh năm 1960 (có mặt).

Cư trú tại: Ấp C, thị trấn Z, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Đồng bị đơn: 1. Bà Đỗ Tuyết L, sinh năm 1971 (có mặt)

2. Ông Lê Văn D, sinh năm 1966 (vắng mặt).

Cùng cư trú tại: Ấp C, thị trấn Z, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Người kháng cáo: Bị đơn bà Đỗ Tuyết L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bà Đoàn Thị H trình bày: Vào ngày 30/12/2016 bà có cho bà Đỗ Tuyết L vay số tiền 3.500.000 đồng, bà giao tiền trực tiếp cho bà L tại nhà bà L, có sự chứng kiến của ông Lê Văn D chồng bà L, ngoài ra không có ai chứng kiến việc bà giao số tiền 3.500.000 đồng cho bà L. Bà L có nói với bà vay tiền để khám xương inox cho chồng bà L là ông Lê Văn D. Thỏa thuận thời hạn một tháng bà L phải thanh toán cho bà đủ tiền gốc và lãi. Từ khi vay đến nay bà L không có thanh toán tiền gốc hay tiền lãi cho bà. Bà H nhiều lần đến nhà yêu cầu bà L thanh toán tiền nhưng bà L cứ hứa hẹn chờ tiền của người em ở Mỹ gửi về sẽ thanh toán cho bà, chờ mãi đến năm 2018 bà H mới nộp đơn khởi kiện bà L tại Tòa án.

Nay bà H yêu cầu bà L và chồng là ông Lê Văn D thanh toán số tiền vay 3.500.000 đồng và tính lãi kể từ ngày vay 30/12/2016 dương lịch đến ngày xét xử sơ thẩm, theo mức lãi suất 1,125%/tháng. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm, bà H yêu cầu Hội đồng xét xử tính lãi đối với số tiền 3.5000.000 đồng theo mức lãi suất quy định của pháp luật.

Theo bị đơn bà Đỗ Tuyết L trình bày: Bà L không nhớ ngày tháng cụ thể, chỉ nhớ vào năm 2016, bà có hỏi vay của bà Đoàn Thị H số tiền 4.000.000 đồng, khi vay chỉ thỏa thuận miệng, không lập giấy tờ. Thỏa thuận mỗi ngày bà L góp cho bà H 80.000 đồng (bao gồm tiền gốc, lãi), thời hạn góp là 02 tháng. Bà L góp cho bà H chỉ còn nợ 1.500.000 đồng tiền gốc. Do làm ăn thất bại bà không có khả năng góp tiếp nên bà L yêu cầu bà H chuyển sang tiền ngày, mỗi ngày bà đóng cho bà H 15.000 đồng tiền lãi. Bà đóng lãi cho bà H được khoảng 01 năm thì bà không còn khả năng đóng lãi tiếp, bà H kê tiền lãi vào tiền gốc nên mới lên đến số tiền 3.500.000 đồng mà bà H kiện bà. Bà L vay tiền để phục vụ việc mua bán trong gia đình (bà L bán cháo vịt). Ông D không có nghề nghiệp, một mình bà làm nuôi cả gia đình. Nay bà L đồng ý thanh toán số tiền gốc 1.5000.000 đồng, không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà H.

Theo bị đơn ông Lê Văn D trình bày: Ông là chồng bà Đỗ Tuyết L, việc giao dịch tiền bạc giữa bà L với bà H, ông hoàn toàn không biết cũng như việc bà L vay tiền về không có phục vụ mục đích chung trong gia đình. Nay ông D không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà Hùng.

Từ nội dung nêu trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2019/DS-ST ngày 10 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị H đối với ông Lê Văn D và bà Đỗ Tuyết L về hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Lê Văn D và bà Đỗ Tuyết L có nghĩa vụ thanh toán cho bà Đoàn Thị H số tiền 4.708.813 đồng. Trong đó, tiền gốc 3.500.000 đồng, tiền lãi 1.208.813 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 24 tháng 7 năm 2019, bà Đỗ Tuyết L kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị H. Bà Đỗ Tuyết L xác định chỉ có bà kháng cáo, còn ông D không có kháng cáo như trong đơn kháng cáo, tại phiên tòa phúc thẩm, bà vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Đỗ Tuyết L, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 22/2019/DS-ST ngày 10 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến tranh luận của các đương sự, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Tại đơn kháng cáo ngày 24 tháng 07 năm 2019 thể hiện người làm đơn là ông Lê Văn D và bà Đỗ Tuyết L, phần cuối đơn có chữ ký của ông D và bà L. Tuy nhiên, tại biên bản ghi lời khai ngày 21/10/2019 bà Đỗ Tuyết L xác định do bà nhờ người khác đánh máy cho bà, bà có ký tên vào đơn, còn chữ ký tên "D" phía sau đơn kháng cáo bên trên chữ "Lê Văn D" là do bà tự ký chứ ông D không có ký vào đơn kháng cáo. Tại biên bản xác minh ngày 30/10/2019 ông Lê Văn D xác định đơn kháng cáo do bà L làm, còn chữ ký tên "D" phía sau đơn kháng cáo bên trên chữ "Lê Văn D" cũng không phải chữ ký của ông, ông không làm đơn kháng cáo. Do đó, có căn cứ xác định chỉ có bà Đỗ Tuyết L kháng cáo còn ông D thì không có kháng cáo.

[3] Đơn kháng cáo của bà Đỗ Tuyết L nộp trong hạn luật định là hợp lệ, nên được chấp nhận xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[4] Ông Lê Văn D được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Đây là phiên tòa được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, người vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông D.

[5] Xét kháng cáo của bà Đỗ Tuyết L về việc yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H. Hội đồng xét xử xét thấy: Bà

Đoàn Thị H khởi kiện yêu cầu yêu cầu bà L và ông D thanh toán số tiền vay 3.500.000 đồng và tính lãi kể từ ngày vay 30/12/2016 dương lịch đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất quy định của pháp luật. Bị đơn bà L xác định, bà không nhớ ngày tháng cụ thể, chỉ nhớ vào năm 2016, bà có hỏi vay của bà Đoàn Thị H số tiền 4.000.000 đồng, căn cứ khoản 1 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: *Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*, do bà L thừa nhận có vay tiền của bà H nên có căn cứ xác định bà L và bà H có phát sinh giao dịch vay tiền. Bà H xác định vào ngày 30/12/2016, bà L chỉ có vay của bà số tiền 3.500.000 đồng, do đó có căn cứ xác định số tiền bà L vay của bà H là 3.500.000 đồng. Bà L cho rằng, sau khi vay tiền của bà H thì bà đã góp cho bà H gồm tiền gốc, tiền lãi, hiện chỉ còn nợ số tiền gốc 1.500.000 đồng và chỉ đồng ý trả cho bà H số tiền gốc 1.500.000 đồng. Xét thấy, ngoài lời trình bày bà L không có chứng cứ chứng minh đã thanh toán tiền gốc, lãi cho bà H và bà H cũng không thừa nhận bà L có trả tiền vốn và lãi nên không có căn cứ chấp nhận lời trình bày của bà L.

[6] Đối với yêu cầu tính lãi: Bà H nộp đơn khởi kiện ngày 17/12/2018, thời điểm giao dịch vay tiền giữa bà H với bà L là ngày 30/12/2016 thời hiệu khởi kiện vẫn còn và giao dịch vay tiền phát sinh trước ngày 01/01/2017 nên cần áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2005 để giải quyết. Xét thấy, bà H yêu cầu Hội đồng xét xử tính lãi theo quy định pháp luật. Theo quy định pháp luật là 9%/năm nên số tiền lãi trong hạn là: 3.500.000 đồng x 0,75%/tháng = 26.250 đồng; Lãi suất quá hạn: 3.500.000 đồng x 30 tháng 09 ngày (từ ngày 01/01/2017 đến ngày 10/7/2019) x 1,125%/tháng = 1.182.563 đồng. Tổng số tiền lãi là: 26.250 đồng + 1.182.563 đồng = 1.208.813 đồng. Như vậy, tổng số tiền gốc và lãi suất bà L phải trả cho bà H là: 4.708.813 đồng.

[7] Tại Tòa án cấp sơ thẩm, ông Lê Văn D cho rằng việc bà L giao dịch tiền bạc với bà H, ông hoàn toàn không biết cũng như việc bà L vay tiền về không có phục vụ mục đích chung trong gia đình, bà L cũng xác định số nợ bà H là nợ riêng của bà. Tuy nhiên, theo biên bản lấy lời khai ngày 23 tháng 5 năm 2019 (búc lục 48, 49) và tại phiên tòa phúc thẩm bà L xác định vay tiền bà H để lo cho gia đình (làm vốn mua bán cháo vịt), bà L còn xác định kinh tế gia đình do bà lo. Căn cứ khoản 2 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định thì vợ chồng có nghĩa vụ chung về tài sản sau đây: "*Nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình"*. Xét thấy, do các khoản tiền bà L vay bà H phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, vay để phục vụ lợi ích chung trong gia đình. Do đó, có căn cứ xác định đây là nợ chung của vợ chồng bà L và ông D nên ông Lê Văn D phải có trách nhiệm cùng bà L trả số tiền gốc và lãi 4.708.813 đồng cho bà H là đúng pháp luật.

[8] Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Đỗ Tuyết L; có căn cứ chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2019/DS-ST ngày 10 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

[9] Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Đỗ Tuyết L phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; khoản 3 Điều 26; Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Đỗ Tuyết L. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2019/DS-ST ngày 10 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị H đối với ông Lê Văn D và bà Đỗ Tuyết L về hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Lê Văn D và bà Đỗ Tuyết L có nghĩa vụ thanh toán cho bà Đoàn Thị H số tiền 4.708.813 đồng (Bốn triệu bảy trăm lẻ tám nghìn tám trăm mười ba đồng). Trong đó, tiền gốc 3.500.000 đồng, tiền lãi 1.208.813 đồng.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà L và ông D phải chịu số tiền án phí 300.000 đồng.

Bà Đoàn Thị H không phải chịu. Bà H đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng, tại biên lai 0013354 ngày 18/01/2019 được hoàn lại tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Đỗ Tuyết L phải chịu 300.000 đồng. Bà L đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004887 ngày 25/7/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**

- TANDCC tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện V;
- CCTHADS huyện V;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, Tổ HCTP.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Trương Thanh Dũng